

Số: 59 /TB-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO TUYỂN SINH BẠC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh bậc đại học hệ chính quy năm 2022.

1. Nguyên tắc chung

Tạo mọi điều kiện thuận lợi và tạo cơ hội tối đa cho thí sinh, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

2. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

3. Phương thức xét tuyển

3.1 Phương thức, thời gian xét tuyển tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

Sử dụng 04 phương thức xét tuyển:

a) Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng

- Xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Ưu tiên xét tuyển thẳng: Thí sinh thuộc một trong các tiêu chuẩn dưới đây, đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển:

Stt	Tiêu chuẩn	Điều kiện	Ngành/nhóm ngành xét tuyển
1	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh/thành phố, học sinh đạt giải kỳ thi Olympic các môn văn hóa (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển).	Tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt 21.00 điểm trở lên (Dựa vào điểm trung bình học bạ cả năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển).	Tất cả ngành/nhóm ngành.
2	Học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố, có nghề đạt giải phù hợp với ngành xét tuyển.		Chỉ áp dụng cho các thí sinh dự tuyển ngành/nhóm ngành Công nghệ, Kỹ thuật.
3	Học sinh trường chuyên, lớp chuyên (danh sách các trường chuyên, lớp chuyên căn cứ theo Phụ lục 1 của Thông báo này).		Tất cả ngành/nhóm ngành.
4	Học sinh có học lực ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 xếp loại giỏi.		Tất cả ngành/nhóm ngành.
5	Học sinh có Chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên hoặc các Chứng chỉ quốc tế khác tương đương trong thời gian còn hiệu lực tính đến ngày 29/08/2022 (các chứng chỉ quốc tế khác tương đương căn cứ theo Phụ lục 2 của Thông báo này).		Tất cả ngành/nhóm ngành.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Từ ngày **15/04/2022** đến **16h00** ngày **15/07/2022**.

b) Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12

- Nguyên tắc xét tuyển: Dựa vào điểm trung bình học bạ cả năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (các môn có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển tương ứng), ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 03 môn (không nhân hệ số, chưa cộng điểm ưu tiên) trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng **21.00 điểm**.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Từ ngày **15/04/2022** đến **16h00** ngày **15/07/2022**.

c) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022: Theo tiến độ chung của các kỳ thi.

Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Từ ngày **15/04/2022** đến **16h00** ngày **30/07/2022**.

3.2 Phương thức, thời gian xét tuyển tại Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Tại Phân hiệu Quảng Ngãi, Nhà trường sử dụng 04 phương thức xét tuyển như Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng **19.00 điểm**.

4. Nhóm ngành/ngành xét tuyển

a) Nhóm ngành/ngành xét tuyển tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Hệ CLC	
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo	7510301	7510301C	A00, A01, C01, D90
2	Nhóm ngành tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh.	7510303	7510303C	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm 02 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật điện tử viễn thông.	7510302	7510302C	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	7480108C	A00, A01, C01, D90
5	IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	7510304		A00, A01, C01, D90
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	7510201C	A00, A01, C01, D90

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Hệ CLC	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	7510203C	A00, A01, C01, D90
8	Công nghệ chế tạo máy	7510202	7510202C	A00, A01, C01, D90
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	7510205C	A00, A01, C01, D90
10	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	7510206C	A00, A01, C01, D90
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201		A00, A01, C01, D90
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205		A00, A01, C01, D90
13	Công nghệ dệt, may	7540204		A00, C01, D01, D90
14	Thiết kế thời trang	7210404		A00, C01, D01, D90
15	Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm 05 ngành và 01 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu và chuyên ngành Quản lý đô thị thông minh và bền vững	7480201		A00, A01, D01, D90
16	Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chất lượng cao gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin;		7480201C	A00, A01, D01, D90
17	Nhóm ngành Công nghệ hóa học gồm 02 ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa phân tích.	7510401	7510401C	A00, B00, D07, C02
18	Công nghệ thực phẩm	7540101	7540101C	A00, B00, D07, D90
19	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497		A00, B00, D07, D90
20	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106		A00, B00, D07, D90
21	Nhóm ngành Công nghệ sinh học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ	7420201	7420201C	A00, B00, D07, D90

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Hệ CLC	
	sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học thực phẩm.			
22	Nhóm ngành Quản lý đất đai và Kinh tế tài nguyên gồm 02 ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850103		A01, C01, D01, D96
23	Nhóm ngành Quản lý tài nguyên môi trường gồm 02 ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường.	7850101		B00, C02, D90, D96
24	Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán; Thuế và kế toán	7340301	7340301C	A00, A01, D01, D90
25	Kiểm toán	7340302	7340302C	A00, A01, D01, D90
26	Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Tài chính ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp	7340201	7340201C	A00, A01, D01, D90
27	Quản trị kinh doanh gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.	7340101	7340101C	A01, C01, D01, D96
28	Marketing	7340115	7340115C	A01, C01, D01, D96
29	Nhóm ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103		A01, C01, D01, D96
30	Kinh doanh quốc tế	7340120	7340120C	A01, C01, D01, D96
31	Thương mại điện tử	7340122		A01, C01, D01, D90
32	Ngôn ngữ Anh	7220201		D01, D14, D15, D96
33	Luật kinh tế	7380107	7380107C	A00, C00, D01, D96
34	Luật quốc tế	7380108	7380108C	A00, C00, D01, D96

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Hệ CLC	
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ 2 + 2 VỚI ĐẠI HỌC ANGELO STATE UNIVERSITY (ASU) của HOA KỲ				
35	Quản trị kinh doanh		7340101K	A01, C01, D01, D96
36	Marketing		7340115K	A01, C01, D01, D96
37	Kế toán		7340301K	A00, A01, D01, D90
38	Tài chính ngân hàng		7340201K	A00, A01, D01, D90
39	Quản lý tài nguyên và môi trường		7850101K	B00, C02, D90, D96
40	Ngôn ngữ anh		7220201K	D01, D14, D15, D96
41	Khoa học máy tính		7480101K	A00, A01, D01, D90
42	Kinh doanh quốc tế		7340120K	A01, C01, D01, D96

b) Ngành xét tuyển tại Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, C01, D90
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D90
5	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D90
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A01, C01, D01, D96

c) Các tổ hợp 3 môn xét tuyển

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học.
- Tổ hợp A01: Toán, Tiếng Anh, Vật Lý.
- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.
- Tổ hợp D01: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học.
- Tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.
- Tổ hợp C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý.
- Tổ hợp C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học.
- Tổ hợp C08: Ngữ văn, Hóa học, Sinh học

- Tổ hợp D14: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử.
- Tổ hợp D15: Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý.
- Tổ hợp D90: Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên.
- Tổ hợp D96: Toán, Tiếng Anh, Khoa học xã hội.

5. Thủ tục đăng ký xét tuyển

a) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng

- Diện xét tuyển thẳng: Hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Diện ưu tiên xét tuyển thẳng:

Hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên website của Trường, tại địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn);
- 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng);
- Giấy tờ minh chứng cho diện ưu tiên xét tuyển thẳng (bản photocopy có công chứng);
- 01 Bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (có công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022; thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 sẽ bổ sung Giấy chứng nhận Tốt nghiệp tạm thời khi làm thủ tục nhập học;
- 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;
- 01 Bản sao Giấy khai sinh;
- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/01 nguyện vọng.

b) Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12

Hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên website của Trường, tại địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn); Lưu ý: việc điền thông tin vào phiếu đăng ký xét tuyển có thể được thực hiện theo một trong hai cách sau:
 - + Khai báo trên trang tuyển sinh theo địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn, sau đó thực hiện theo hướng dẫn và in phiếu đăng ký xét tuyển;
 - + Tải phiếu đăng ký xét tuyển theo địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn, in phiếu và điền thông tin theo hướng dẫn;
- 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng);
- 01 Bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (có công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022; thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 sẽ bổ sung Giấy chứng nhận Tốt nghiệp tạm thời khi làm thủ tục nhập học;
- 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;
- 01 Bản sao Giấy khai sinh;
- Các giấy tờ minh chứng (bản photocopy có công chứng) thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên diện chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có);

- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/01 nguyện vọng.

c) Phương thức 3: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã tuyển sinh của Trường là IUH.

d) Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2022

Thí sinh đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia TP.HCM. Trường hợp thí sinh chưa đăng ký trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia TP.HCM có thể nộp hồ sơ tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên website của Trường, tại địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn);

- 01 Bản photocopy (có công chứng) kết quả thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức năm 2022;

- 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng);

- 01 Bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (có công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022; thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 sẽ bổ sung Giấy chứng nhận Tốt nghiệp tạm thời khi làm thủ tục nhập học;

- 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;

- 01 Bản sao Giấy khai sinh;

- Các giấy tờ minh chứng (bản photocopy có công chứng) thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên diện chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có);

- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/01 nguyện vọng.

6. Địa điểm nộp hồ sơ xét tuyển

a) Thí sinh xét tuyển học tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

+ Nộp trực tiếp tại Trường theo địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Để an toàn và thuận lợi cho việc chuyển lệ phí xét tuyển, các thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển tại các bưu cục của Vietnam Post (Bưu chính Việt Nam), đơn vị đã ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác hỗ trợ các thí sinh đăng ký xét tuyển đại học năm 2022.

+ Điện thoại liên hệ: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917.

+ Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn.

Lưu ý: Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển qua bưu điện, có thể chuyển tiền lệ phí xét tuyển bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Trường với những thông tin như sau: Chủ tài khoản (người nhận): **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Số tài khoản: **1600 201 061 490** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN (Agribank), chi nhánh Sài Gòn.

Địa chỉ: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển tiền:

[số CMND hoặc căn cước CD của thí sinh]-[họ tên thí sinh]-[số nguyện vọng xét tuyển]

VD: Nguyễn văn A, có số căn cước công dân là: 123456789888, xét 3 nguyện vọng.

Nội dung chuyển tiền của bạn A là: 123456789888, Nguyễn Văn A, 3.

b) Thí sinh xét tuyển học tại Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

+ Nộp trực tiếp tại Phân hiệu theo địa chỉ: Phòng Giáo vụ và Công tác sinh viên, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu tại Quảng Ngãi, số 938 đường Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Hồ sơ nộp giống như tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên hệ: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135; 0916 222 135./✓

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT, PHQN.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Hồng Hải

HỒNG

PHỤ LỤC 1

Danh sách các Trường THPT chuyên, Trường có lớp chuyên thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số **59** /TB-ĐHCN ngày **13** tháng **4** năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Mã tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học				
1	01	Hà Nội	009	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	01	Hà Nội	013	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	02	Hồ Chí Minh	019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	Hồ Chí Minh	020	Trường Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	Trường THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố				
9	01	Hà Nội	010	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	Trường THPT Chu Văn An (lớp chuyên)
12	01	Hà Nội	079	Trường THPT Sơn Tây (lớp chuyên)
13	02	TP. Hồ Chí Minh	016	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	TP. Hồ Chí Minh	004	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	TP. Hồ Chí Minh	055	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền (lớp chuyên)
16	02	TP. Hồ Chí Minh	066	Trường THPT Gia Định (lớp chuyên)
17	02	TP. Hồ Chí Minh	070	THPT Nguyễn Hữu Huân (lớp chuyên)
19	02	TP. Hồ Chí Minh	023	THPT Mạc Đĩnh Chi (lớp chuyên)
20	03	Hải Phòng	013	Trường THPT chuyên Trần Phú
21	04	Đà Nẵng	005	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	05	Hà Giang	012	Trường THPT chuyên Hà Giang
23	06	Cao Bằng	004	Trường THPT chuyên Cao Bằng
24	07	Lai Châu	001	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
25	08	Lào Cai	018	Trường THPT chuyên Lào Cai
26	09	Tuyên Quang	009	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
27	10	Lạng Sơn	002	Trường THPT chuyên Chu Văn An
28	11	Bắc Kạn	019	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
29	12	Thái Nguyên	010	Trường THPT chuyên Thái Nguyên

Stt	Mã tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
30	13	Yên Bái	001	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
31	14	Sơn La	004	Trường THPT chuyên Sơn La
32	15	Phú Thọ	001	Trường THPT chuyên Hùng Vương
33	16	Vĩnh Phúc	012	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
34	17	Quảng Ninh	001	Trường THPT chuyên Hạ Long
35	18	Bắc Giang	012	Trường THPT chuyên Bắc Giang
36	19	Bắc Ninh	009	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
37	21	Hải Dương	013	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
38	22	Hưng Yên	011	Trường THPT chuyên Hưng Yên
39	23	Hòa Bình	012	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
40	24	Hà Nam	011	Trường THPT chuyên Biên Hòa
41	25	Nam Định	002	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
42	26	Thái Bình	002	Trường THPT chuyên Thái Bình
43	27	Ninh Bình	011	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
44	28	Thanh Hóa	010	Trường THPT chuyên Lam Sơn
45	29	Nghệ An	006	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
46	30	Hà Tĩnh	040	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
47	31	Quảng Bình	004	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
48	32	Quảng Trị	024	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
49	33	Thừa Thiên - Huế	001	Trường THPT chuyên Quốc Học
50	34	Quảng Nam	010	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
51	34	Quảng Nam	007	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
52	35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
53	36	Kon Tum	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
54	37	Bình Định	003	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
55	38	Gia Lai	005	Trường THPT chuyên Hùng Vương
56	39	Phú Yên	005	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh
57	40	Đắk Lắk	024	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
58	41	Khánh Hòa	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
59	42	Lâm Đồng	008	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt
60	42	Lâm Đồng	093	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
61	43	Bình Phước	003	Trường THPT chuyên Quang Trung
62	43	Bình Phước	042	Trường THPT chuyên Bình Long
63	44	Bình Dương	002	Trường THPT chuyên Hùng Vương
64	45	Ninh Thuận	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
65	46	Tây Ninh	003	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
66	47	Bình Thuận	013	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
67	48	Đồng Nai	001	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
68	49	Long An	060	Trường THPT chuyên Long An
69	50	Đồng Tháp	023	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
70	50	Đồng Tháp	016	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
71	51	An Giang	002	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu

Stt	Mã tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
72	51	An Giang	008	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
73	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
74	53	Tiền Giang	016	Trường THPT chuyên Tiền Giang
75	54	Kiên Giang	002	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
76	55	Cần Thơ	013	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
77	56	Bến Tre	030	Trường THPT chuyên Bến Tre
78	57	Vĩnh Long	015	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
79	58	Trà Vinh	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
80	59	Sóc Trăng	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
81	60	Bạc Liêu	009	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
82	61	Cà Mau	016	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiền
83	62	Điện Biên	002	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
84	63	Đắk Nông	037	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
85	64	Hậu Giang	039	Trường THPT chuyên Vị Thanh





PHỤ LỤC 2

Danh sách các chứng chỉ quốc tế tương đương chứng chỉ Ielts, thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số **59** /TB-ĐHCN ngày **13** tháng **4** năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Các chứng chỉ quốc tế tương đương	Thang điểm
1	IELTS	5.0
2	TOEIC	595
3	TOEIC Bridge	89
4	TOEFL PBT	499
4	TOEFL CBT	170
5	TOEFL(iBT)	60
6	CAMBRIDGE(Exam)	FCE
7	CEFR	B2

Handwritten signature or mark.